

KẾ HOẠCH

Tổ chức dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi bước vào lớp Một (Thông tư số 23/2023/TT- BGDDT);

Căn cứ Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên về việc Quy định kinh phí hỗ trợ thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ công văn số 3430/UBND-KGVX ngày 11/7/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về tổ chức thực hiện quy định dạy và học Tiếng Việt dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một

Căn cứ Công văn số 1359/SGDĐT-GDMNTH ngày 14/5/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một năm học 2025-2026,

Thực hiện Công văn số 60/KH-UBND ngày 11/8/2025 của UBND xã Núa Ngam về tổ chức dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 năm học 2025-2026,

Trường PTDTBT TH Hẹ Muông xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 theo Thông tư số 23/2023/TT- BGDDT năm học 2025-2026, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức quản lý, hướng dẫn hoạt động dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1.
- Chuẩn bị tâm thế sẵn sàng, tạo hứng thú, chủ động cho trẻ học tập; hình thành một số kỹ năng học tập cơ bản và kỹ năng sử dụng tiếng Việt, kỹ năng giao tiếp, ứng xử xã hội cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1.

2. Yêu cầu

- Tiếp cận theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, trong đó lấy việc hình thành và phát triển năng lực tiếng Việt làm định hướng cơ bản.
- Thực hiện phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm, phương pháp dạy học ngôn ngữ thứ hai để dạy học tiếng Việt cho trẻ.
- Tổ chức thông qua hoạt động vui chơi, trải nghiệm, khám phá, phù hợp

với đặc điểm phát triển tâm sinh lí của trẻ trong độ tuổi chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học.

- Tích hợp dạy và học tiếng Việt với dạy các kỹ năng học tập ban đầu; tích hợp dạy và học tiếng Việt với dạy và học văn hóa dân tộc.

- Bảo đảm tính kế thừa và liên thông: nội dung dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 kế thừa nội dung của chương trình giáo dục bậc Mầm non và liên thông với nội dung của chương trình giáo dục cấp Tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. NỘI DUNG DẠY VÀ HỌC TIẾNG VIỆT

1. Thực hiện chương trình và kế hoạch thời gian

a) Chương trình dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 gồm 72 tiết, mỗi buổi học 3 tiết, mỗi tiết 35 phút.

b) Thời gian: Thực hiện dạy từ 12/8/2025 đến 27/8/2025

c) Nội dung dạy và học tiếng Việt

Dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 theo 05 chủ đề cụ thể sau:

- Chuẩn bị tâm thế vào lớp Một;
- Hình thành các kỹ năng học tập cơ bản;
- Hình thành và phát triển năng lực, nghe, nói;
- Hình thành và phát triển năng lực đọc;
- Hình thành và phát triển năng lực viết.

(Nội dung dạy và học chi tiết thực hiện theo Phụ lục đính kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ GDĐT).

Các nội dung này được sắp xếp theo trình tự khoa học, tương ứng với 20 bài học, thể hiện thông qua các chủ đề, chủ điểm gần gũi và phù hợp với trẻ theo định hướng tiếp cận năng lực và phẩm chất người học *(Nội dung chi tiết thực hiện theo Phụ lục đính kèm Thông tư 23)*. Nội dung cụ thể như sau:

2. Chuẩn bị tâm thế vào lớp 1

- Trẻ được làm quen với môi trường vật chất ở trường, lớp cấp tiểu học: không gian lớp học, trường học, thư viện, phòng học bộ môn, khu vui chơi, bán trú, công trình phụ trợ; đồ dùng học tập, thiết bị dạy học và phương tiện học tập.

- Trẻ được làm quen với môi trường tâm lí ở trường tiểu học: cảm giác an toàn, môi trường thân thiện, được tôn trọng về ngôn ngữ, văn hóa địa phương và của dân tộc mình.

- Trẻ được tham gia học tập và tham gia các hoạt động giáo dục khác; được rèn nếp sống tự lập, tự phục vụ và sinh hoạt tập thể theo quy định của lớp, trường.

3. Hình thành các kỹ năng học tập cơ bản

- Kỹ năng chuẩn bị, sử dụng, bảo quản và giữ gìn đồ dùng học tập, xác định được các vị trí trên bảng con, bảng lớn trong không gian lớp học, trường học.

- Kỹ năng sử dụng các kí hiệu, quy ước được sử dụng trong học tập, vui chơi và trong các hoạt động tập thể khác.

- Kỹ năng làm việc cá nhân theo hướng dẫn của giáo viên; kỹ năng tìm kiếm sự giúp đỡ từ bạn bè, thầy cô khi gặp khó khăn trong học tập.

- Kỹ năng ban đầu khi làm việc theo cặp, theo nhóm và tham gia các hoạt động chung của trường, của lớp.

- Kỹ năng nhận nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ được giao và tự trình bày kết quả học tập của cá nhân, của nhóm với bạn bè, thầy cô ở mức độ đơn giản.

4. Hình thành và phát triển năng lực nghe, nói

- Biết cách sử dụng tiếng Việt trong những nghi thức giao tiếp cơ bản: cảm ơn, xin lỗi, hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản.

- Nghe - nói trong những tình huống làm quen ban đầu và giao tiếp bằng tiếng Việt phù hợp với lứa tuổi.

- Nghe - hiểu và nói được một số mẫu câu giao tiếp đơn giản theo chủ đề như lời đề nghị, yêu cầu, xin phép...

5. Hình thành và phát triển năng lực đọc

- Rèn kỹ thuật sử dụng sách, kỹ thuật đọc đúng: cầm sách, mở sách, lật sách; giữ khoảng cách giữa mắt với sách; nhận biết bìa sách và trang sách, chữ và hình ảnh minh họa trong sách; cách đưa mắt từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, đọc theo các mức độ (to- nhỏ- nhẩm- thầm).

- Củng cố việc nhận dạng và đọc được chữ cái đơn (một âm ghi bằng một chữ) là chữ in thường, các chữ số từ 1 đến 9.

6. Hình thành và phát triển năng lực viết

- Biết ngồi viết đúng tư thế, biết cách cầm bút chì bằng ba đầu ngón tay, biết cách tô chữ và chữ số trên vở ô ly.

- Biết cách xác định đường kẻ ngang, đường kẻ dọc, dòng kẻ, ô ly và điểm tọa độ khi tô chữ, chữ số: điểm đặt bút, điểm chuyển hướng và điểm kết thúc.

- Tô được các tổ hợp nét cơ bản: nét ngang, nét thẳng, nét xiên trái, nét xiên phải; nét móc xuôi, nét móc ngược, nét móc hai đầu; nét cong kín, nét cong trái, nét cong phải; nét khuyết trên, nét khuyết dưới, nét thắt trên, nét thắt giữa.

- Thực hiện các hoạt động tô chữ, tô từ và tô chữ số từ 1 đến 9.

7. Yêu cầu đối với hoạt động dạy và học

a) Thiết kế các bài học theo các hoạt động cơ bản gồm:

+ Hoạt động 1: khởi động, kết nối;

+ Hoạt động 2: khám phá, luyện tập;

+ Hoạt động 3: vận dụng, trải nghiệm.

b) Đa dạng hoá các hoạt động dạy và học (hoạt động dạy học từ và câu; hoạt động đóng vai và tham gia trò chơi học tập; hoạt động múa hát, đọc thơ, vẽ và đồng dao; hoạt động tô, vẽ tranh; hoạt động kể chuyện...) thông qua các hình

thức và phương pháp tổ chức khác nhau (làm mẫu, thực hành, trải nghiệm...) để nâng cao hiệu quả dạy học.

Linh hoạt trong quá trình tổ chức các hoạt động cho trẻ, trong việc sử dụng ngữ liệu dạy học, đồ dùng dạy học phù hợp với điều kiện và tâm lý trẻ. Sau mỗi tiết dạy cần cho trẻ nghỉ chuyển tiết, thời gian nghỉ chuyển tiết từ 5 đến 10 phút. Một buổi dạy tối đa 120 phút.

III. CHUẨN BỊ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

1. Chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, văn phòng phẩm, tài liệu cho giáo viên và học sinh

Mua sắm đồ dùng học tập cho mỗi trẻ người dân tộc thiểu số tham gia học tiếng Việt trước khi vào lớp Một gồm: 01 quyển vở tập tô, 01 bảng con, 03 bút chì, 02 hộp phấn, 01 hộp sáp màu, 01 tẩy.

Tài liệu cho mỗi lớp học gồm: 01 bộ tài liệu dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một theo quy định của Bộ GDĐT (Quyết định số 2101/QĐ-BGDĐT ngày 09/8/2024 về Phê duyệt Bộ tài liệu “Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một” theo Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT gồm: Sách hướng dẫn giảng dạy giành cho giáo viên, vở tập tô, bộ sách tranh theo 06 chủ đề: Em và bạn bè, em và nhà trường, em và gia đình, em và bản làng, em và thiên nhiên, ước mơ của em).

Văn phòng phẩm dùng chung cho mỗi lớp học gồm: 01 gam giấy A4, 01gam bìa màu, 10 hộp phấn.

2. Về địa điểm tổ chức

- Địa điểm tổ chức dạy và học tại điểm trường chính và 03 điểm trường lẻ bảo đảm thuận tiện đi lại, an toàn và phù hợp với tâm sinh lý của trẻ.

- Lớp học phải bảo đảm vệ sinh, an toàn, thoáng mát, đủ ánh sáng, bàn ghế phù hợp, đúng quy định, có đủ nước sạch; không gian thân thiện có góc văn hóa địa phương, góc hỗ trợ học ngôn ngữ...

- Được trang bị đầy đủ đồ dùng dạy học, các trang thiết bị, tài liệu dạy học phục vụ cho việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 bảo đảm hiệu quả, chất lượng.

3. Về đội ngũ giáo viên

- Bố trí giáo viên tham gia dạy học tiếng Việt cho trẻ trước khi vào lớp 1, ưu tiên những giáo viên có năng lực tốt, có tay nghề vững vàng, biết tiếng dân tộc và am hiểu văn hóa địa phương, dân tộc của trẻ.

- Triển khai bồi dưỡng đại trà về phương pháp dạy tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trước khi vào học lớp Một cho cán bộ quản lý và 100% giáo viên dự kiến dạy lớp Một năm học 2025-2026. Nội dung bồi dưỡng tập trung tìm hiểu về phương pháp dạy tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trước khi bước vào lớp Một; triển khai Thông tư số 23/2023/TT -BGDĐT ngày

11/12/2023 của Bộ GDĐT; thực hành dạy tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; thảo luận và rút kinh nghiệm giờ dạy thực hành và viết thu hoạch nội dung bồi dưỡng.

4. Số học sinh DTTS

Tổng số học sinh lớp 1 là 53 (HS dân tộc 53 HS) cụ thể:

STT	Điểm mở lớp	Lớp	Số học sinh	Dân tộc	Ghi chú
1	Trung tâm	1A1	18	18	
2	Na Côm	1A2	16	16	
3	Na Dôn	1A3	6	6	
4	Ta Lét	1A4	11	11	
Cộng			52	52	

5. Kiểm tra, đánh giá chất lượng học sinh

Kiểm tra việc tổ chức dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 trên địa bàn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập trong việc dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1.

Chỉ đạo việc theo dõi sự tiến bộ của mỗi trẻ, ghi chép những lưu ý với trẻ có nội dung chưa hoàn thành hoặc có tiến bộ trong học tập và rèn luyện; trao đổi với cha mẹ hoặc người giám hộ của trẻ khi cần thiết.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

1. Nội dung và định mức chi hỗ trợ cho giáo viên và học sinh

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên.

Tổng dự trù kinh phí: 23.404.000đ trong đó chi:

- Kinh phí đối với học sinh: 4.056.000đ
- Kinh phí đối giáo viên dạy: 17.280.000đ
- Kinh phí đối với lớp học: 2.068.000đ

Có phụ lục 1 chi tiết kèm theo)

2. Nhà trường có trách nhiệm lập kế hoạch kinh phí tham mưu với chính quyền địa phương mới để thực hiện các nội dung, định mức chi hỗ trợ đối với giáo viên, trẻ em và lớp học trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với nhà trường

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học; sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp để thực hiện nội dung dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 theo quy định.

(Kèm theo phụ lục 2)

- Tuyên truyền, tổ chức thực hiện việc dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 tại đơn vị; tôn trọng quyền tự chủ của giáo

viên trong việc thực hiện dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1; thực hiện chi trả chế độ kịp thời cho giáo viên và trẻ được phân công, tham gia hoạt động dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 theo quy định.

- Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị, nhận xét và đánh giá kết quả dạy học; báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã, sở Giáo dục và Đào tạo trước khi năm học mới bắt đầu.

2. Đối với giáo viên

- Thiết kế các bài học theo các hoạt động cơ bản gồm: Hoạt động 1: khởi động, kết nối; Hoạt động 2: khám phá, luyện tập; Hoạt động 3: vận dụng, trải nghiệm.

- Đa dạng hóa các hoạt động dạy và học (hoạt động dạy học từ và câu; hoạt động đóng vai và tham gia trò chơi học tập; hoạt động múa hát, đọc thơ, vẽ và đồng dao; hoạt động tô, vẽ tranh; hoạt động kể chuyện....) thông qua các hình thức và phương pháp tổ chức khác nhau (làm mẫu, thực hành, trải nghiệm...) để nâng cao hiệu quả dạy học.

- Linh hoạt trong quá trình tổ chức các hoạt động cho trẻ, trong việc sử dụng ngữ liệu dạy học, đồ dùng dạy học phù hợp với điều kiện và tâm lý trẻ. Sau mỗi tiết dạy, cần cho trẻ nghỉ chuyển tiết, thời gian nghỉ chuyển tiết từ 5 đến 10 phút.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức dạy và học tiếng Việt cho học sinh là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 năm học 2025-2026 của Trường PTDTBT tiểu học xã Hẹ Muông. Yêu cầu giáo viên được phân công dạy lớp 1 nghiêm túc triển khai thực hiện./.

*** Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT;
- UBND xã;
- Tổ CM khối 1
- Lưu hồ sơ chuyên môn trường.

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Ngọc Tấn

PHỤ LỤC 01
DỰ TRÙ KINH PHÍ TỔ CHỨC DẠY TIẾNG VIỆT CHO TRẺ EM LÀ NGƯỜI
DÂN TỘC THIỂU SỐ TRƯỚC KHI VÀO LỚP MỘT

(Kèm theo Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên)

1. Kinh phí đối với học sinh (tổng số 52 học sinh dân tộc)

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Đơn Giá	SL định mức/ 1 học sinh	SL học sinh	SL đặt sách và đồ dùng	Thành Tiền
1	Vở Em tập tô (Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một)	Quyển	20.000	1	52	52	1.040.000
2	3477 - Bảng gỗ Hồng Hà (4ly/5ly)	Cái	15.000	1	52	52	780.000
3	3551 - Bút chì gỗ HH2B ABC	Cái	4.000	3	52	156	624.000
4	3365 - Phấn không bụi Hồng Hà	Hộp	5.000	2	52	104	520.000
5	Sáp màu Oringa 12 màu - 8105	Hộp	18.000	1	52	52	936.000
6	3537 - Tẩy trắng Eco E01 HH	Viên	3.000	1	52	52	156.000
Tổng chi phí đối với học sinh							4.056.000

2. Kinh phí đối giáo viên dạy (4 giáo viên; 4 lớp)

Số TT	Lớp	Số tiết	Số tiền/tiết	Tổng số tiền	Ghi chú
1	1A1	72	60.000	4.320.000	
2	1A2	72	60.000	4.320.000	
3	1A3	72	60.000	4.320.000	
4	1A4	72	60.000	4.320.000	
Cộng		288	240.000	17.280.000	

3.Kinh phí đối với lớp học

III. Đối với Lớp học		Đơn vị tính	Đơn Giá	SL định mức/ 1 lớp học	SL lớp học	SL đặt sách và đồ dùng	Thành Tiền
A	Bộ tài liệu cho mỗi lớp học bao gồm 7 quyển sau:	Bộ	340.000	1	4	4	1.360.000
1	Em và bạn bè (Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một)	Quyển	40.000	1	4	4	160.000

2	Em và nhà trường (Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một)	Quyển	50.000	1	4	4	200.000
3	Em và gia đình (Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một)	Quyển	45.000	1	4	4	180.000
4	Em và bản làng (Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một)	Quyển	50.000	1	4	4	200.000
5	Em và thiên nhiên (Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một)	Quyển	45.000	1	4	4	180.000
6	Ước mơ của em (Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một)	Quyển	60.000	1	4	4	240.000
7	Hướng dẫn dạy tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một	Quyển	50.000	1	4	4	200.000
B	<i>Văn phòng phẩm Dùng chung cho mỗi lớp học</i>						
1	4955 - Giấy in Delus A4, ĐL:75/95, HH	Ream	82.000	1	4	4	328.000
2	Bìa màu A4 (one)	Ream	45.000	1	4	4	180.000
3	3365 - Phấn không bụi Hồng Hà	Hộp	5.000	10	4	40	200.000
Tổng chi phí đối với lớp học							2.068.000

PHỤ LỤC 02
NỘI DUNG DẠY VÀ HỌC TIẾNG VIỆT CHO TRẺ EM LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRƯỚC KHI VÀO LỚP MỘT
(Kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Bài và Chủ điểm	Nói và nghe theo mẫu	Mở rộng vốn từ và mẫu câu	Đọc	Viết	Kĩ năng học tập
1. Làm quen với tiếng Việt	- Chào gặp mặt và chào tạm biệt; - Tự giới thiệu, làm quen; - Xin phép trong lớp; - Cảm ơn và xin lỗi.	- Từ ngữ chỉ người: Em và những người gần gũi quanh em; - Mẫu câu: chào gặp mặt và tạm biệt, tự giới thiệu bản thân, xin phép, cảm ơn và xin lỗi.	- Làm quen với sách và việc đọc: cầm sách, mở sách, lật sách, giữ khoảng cách mắt với sách, nhận biết bìa sách và trang sách, chữ và hình trong sách, cách đưa mắt đọc từ trên xuống, từ trái sang phải (tranh khổ lớn).	- Tập cầm bút chì tô trên vở ô ly đúng cách; - Tô tổ hợp các nét cơ bản trong vở (viết trên bảng con): nét thẳng, nét ngang, nét xiên trái, nét xiên phải.	- Chuẩn bị đồ dùng học tập: bộ đồ dùng học tập, bút chì, sách, vở, phấn, bảng, vật dụng lau bảng; - Học sử dụng các đồ dùng học tập; - Làm quen với kí hiệu, tín hiệu và quy ước; - Nhận nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của giáo viên.
2. Nói về em	- Tự giới thiệu tên, tuổi, lớp học, cô giáo, cha mẹ, sở thích cá nhân.	- Từ ngữ chỉ người thân của em ở nhà, ở lớp; - Từ ngữ chỉ tuổi, chỉ sở thích của em; - Mẫu câu giới thiệu em, sở thích của em.	- Đọc to nghe chung một bài về chủ đề <i>gặp gỡ, làm quen với bạn bè ở trường</i> (tài liệu thực hiện là tranh của một trang sách tranh khổ lớn).	- Tập cầm bút chì tô trên vở ô ly đúng cách; - Tô tổ hợp các nét cơ bản trong vở (viết trên bảng con): nét móc xuôi, nét móc ngược, nét móc hai đầu trên bảng con và trong vở.	- Học sử dụng các đồ dùng học tập; - Làm quen với kí hiệu, tín hiệu và quy ước; - Lấy, sắp xếp đồ dùng ra bàn và cất đồ dùng học tập vào cặp sách; - Nhận nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của giáo viên.
	- Giới thiệu bạn của	- Từ ngữ chỉ bạn bè, hoạt	- Đọc to nghe chung bài	- Tô tổ hợp các nét cơ	- Học sử dụng các đồ

3. Em và bạn bè	em; - Câu hỏi về một nhân vật (hỏi về bạn, hỏi về người thân...).	động của bạn, người thân; - Mẫu câu: câu giới thiệu nhân vật, câu hỏi về một nhân vật, câu nói về hoạt động (của em /bạn bè..)	<i>đọc có nội dung về bạn ở trường/ lớp /tài liệu thực hiện là sách tranh khổ lớn).</i>	bản trong vở (viết trên bảng con): Nét cong kín, nét cong trái, nét cong phải trên bảng con và trong vở.	dùng học tập; - Lấy, sắp xếp đồ dùng ra bàn và cất đồ dùng học tập vào cặp sách; - Làm quen với kí hiệu, tín hiệu và quy ước; - Xin phép khi muốn ra khỏi chỗ.
4. Em và bạn bè	- Giới thiệu bạn trong lớp của em; - Câu hỏi về người (hỏi về bạn).	- Từ ngữ chỉ bạn bè, tính tình hoặc sở thích của bạn; - Mẫu câu, câu giới thiệu người, câu hỏi về người, câu chỉ tính tình hoặc sở thích của người (em/bạn bè).	- Đọc to nghe chung bài <i>đọc có nội dung về bạn hàng xóm</i> (bài trong tài liệu này là sách tranh khổ lớn).	- Tô tổ hợp các nét cơ bản trong vở (viết trên bảng con), nét khuyết trên, nét khuyết dưới, nét thắt trên bảng con và trong vở.	- Học sử dụng các đồ dùng học tập; - Lấy, sắp xếp đồ dùng ra bàn và cất đồ dùng học tập vào cặp sách; - Làm quen với kí hiệu, tín hiệu và quy ước; - Tập làm việc theo cặp; - Xin phép khi muốn rời khỏi chỗ ngồi.
5. Em và trường lớp	- Giới thiệu trường, lớp của em; - Câu hỏi về trường, lớp.	- Từ ngữ chỉ sự vật trong trường, lớp; - Mẫu câu: câu giới thiệu trường, lớp của em; câu hỏi về trường, lớp của em; câu giới thiệu đồ vật, câu hỏi về đồ vật trong lớp.	- Đọc chữ a và từ chỉ có 1 âm chính là a dấu huyền, dấu sắc; - Đọc to nghe chung bài <i>đọc có nội dung về mọi người ở trường</i> : Thầy giáo/Cô giáo/ cô nhân viên/ bác bảo vệ. (thực hiện tài liệu là sách tranh khổ lớn).	- Tô dấu huyền, dấu sắc, chữ a và tô từ có chữ a trong vở (Ví dụ: ca, cà, cá...).	- Tập làm việc theo cặp; - Xác định vị trí trên bảng con, bảng lớn (bảng lớp); - Nghe chỉ dẫn tham gia trò chơi; - Phát biểu ý kiến khi được cho phép.
6 Em và	- Giới thiệu lớp của em; - Câu hỏi về đồ vật	- Từ ngữ chỉ đồ vật trong lớp; - Mẫu câu: câu giới thiệu	- Đọc chữ b, c và từ có âm đầu là b, c; dấu hỏi; - Đọc to nghe chung bài	- Tô dấu hỏi, chữ b, c và tô từ có âm đầu là b, c trong vở (Ví dụ: bà, cả).	- Tập làm việc theo nhóm nhỏ; - Phát biểu ý kiến khi

trường lớp	(hỏi về đồ vật trong lớp).	đồ vật, câu hỏi về đồ vật trong lớp.	đọc có nội dung về đồ dùng học tập (thực hiện tài liệu là sách tranh khổ lớn).		được cho phép. - Nghe chỉ dẫn tham gia trò chơi; - Xác định vị trí không gian trong lớp học.
7. Em và trường lớp	- Kể về hoạt động của lớp và hoạt động của các bạn ở lớp của em; - Câu hỏi về các hoạt động (hỏi về hoạt động ở lớp, ở trường).	- Từ ngữ chỉ hoạt động của lớp và hoạt động của các bạn ở lớp, ở trường; - Mẫu câu: câu kể hoạt động, câu hỏi về hoạt động.	- Đọc chữ d, đ và từ có âm đầu là d, đ; dấu ngã; - Đọc to nghe chung bài đọc có nội dung về hoạt động ở trường lớp (thực hiện tài liệu là sách tranh khổ lớn).	- Tô dấu ngã, chữ d, đ và từ có âm đầu là d, đ trong vở (Ví dụ: đã, da...).	- Tập làm việc theo nhóm nhỏ; - Tập nêu ý kiến cá nhân trong nhóm; - Xác định vị trí không gian trường học (một số vị trí cần thiết: phòng bảo vệ, phòng thư viện, phòng y tế, phòng ăn bán trú...).
8. Em và gia đình	- Giới thiệu người trong gia đình em; - Kể việc làm của một vài người thân; - Câu hỏi về người và hoạt động của người thân trong gia đình.	- Từ ngữ chỉ hoạt động của người trong gia đình; - Mẫu câu: câu kể hoạt động, câu hỏi về hoạt động.	- Đọc chữ e, ê và từ có chữ e, ê; dấu nặng. - Đọc to nghe chung bài đọc có nội dung về các thành viên trong gia đình (thực hiện tài liệu là sách tranh khổ lớn).	- Tô dấu nặng, chữ e, ê và từ chỉ có 1 âm chính là e, ê trong vở (Ví dụ: dễ, bệ...).	- Tham gia trò chơi học tập; - Tập báo cáo kết quả; - Chuẩn bị đồ dùng học tập trước khi đến lớp.
9. Em và gia đình	- Giới thiệu đồ dùng trong nhà em.	- Từ ngữ chỉ đồ dùng trong nhà; - Mẫu câu: câu giới thiệu đồ vật.	- Đọc chữ g, h và từ có âm đầu là g, h. Đọc chữ số: 0, 1; - Đọc to nghe chung bài đọc có nội dung về các đồ dùng gia đình (thực hiện tài liệu là sách tranh khổ lớn).	- Tô chữ g, h và từ có âm đầu là g, h trong vở (Ví dụ: gà, hệ...); - Tô chữ số 0, 1.	- Tham gia trò chơi học tập; - Tập báo cáo kết quả; - Chuẩn bị trang phục trước khi đến lớp.

10. Em và gia đình	- Kể việc em làm ở nhà; - Câu hỏi về việc em làm ở nhà.	- Từ ngữ chỉ công việc trẻ làm ở nhà; - Mẫu câu: câu kể hoạt động của em ở nhà, câu hỏi việc em làm ở nhà.	- Đọc chữ i, y và từ chỉ 1 âm chính là i, y. Đọc chữ số 2,3; - Đọc to nghe chung bài đọc có nội dung <i>về hoạt động của em và gia đình ở nhà</i> (thực hiện tài liệu này sách tranh khổ lớn).	- Tô chữ i, y và tô từ chỉ có 1 âm chính là i, y trong vở (Ví dụ: đi, ý...); - Tô chữ số 2, 3 trong vở.	- Tập bảo quản và giữ gìn đồ dùng học tập; - Sắp xếp đồ dùng ở góc học tập.
11. Em và bản làng	- Giới thiệu bản làng em, dân tộc em: tên bản làng, tên dân tộc; - Câu hỏi về bản làng, về dân tộc.	- Từ ngữ chỉ người trong bản làng (người theo độ tuổi); - Mẫu câu: câu giới thiệu bản làng, dân tộc, câu hỏi về bản làng, dân tộc.	- Đọc chữ k, l và từ có âm đầu là k, l. Đọc chữ số 4, 5; - Đọc to nghe chung bài đọc có nội dung giới thiệu <i>về văn hóa bản làng</i> (thực hiện tài liệu này là sách tranh khổ lớn).	- Tô chữ k, l và tô từ có âm đầu là k, l. trong vở (Ví dụ: kê, lá); - Tô chữ số 4, 5 trong vở.	- Tập giữ gìn sách, vở; - Trang trí góc học tập.
12. Em và bản làng	- Giới thiệu những cảnh vật ở bản làng em (núi, suối, cây cối, nương rẫy, nhà cửa...); - Câu hỏi về cảnh vật ở bản làng em.	- Từ ngữ chỉ cảnh vật ở bản làng; - Mẫu câu: câu giới thiệu cảnh vật ở bản làng, câu hỏi về cảnh vật ở bản làng, câu hỏi vị trí <i>Ở đâu? Cái gì?</i>	- Đọc chữ m, n và từ có âm đầu là m, n. Đọc chữ số 6,7; - Đọc to nghe chung <i>về cảnh vật của bản làng</i> (thực hiện tài liệu này là sách tranh khổ lớn). - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: <i>Ở đâu? Cái gì?</i>	- Tô chữ m, n và tô từ có âm đầu là m, n. trong vở (Ví dụ: mẹ, na...); - Tô chữ số 6,7 trong vở.	- Tham gia hoạt động trải nghiệm với lớp; - Chuẩn bị đồ dùng khi tham gia trải nghiệm với lớp.
13. Em và bản làng	- Kể về công việc của người trong bản làng: trồng rừng, làm nương, chăn nuôi, dệt vải, lễ hội...; - Câu hỏi về hoạt	- Từ ngữ chỉ hoạt động, công việc của người trong bản làng ở bản làng; - Mẫu câu: câu kể hoạt động của người ở bản làng, câu hỏi hoạt động của người ở bản làng, câu	- Đọc chữ o và từ chỉ có 1 âm chính là o. Đọc chữ số 8,9; - Đọc to nghe chung bài đọc <i>về hoạt động của người ở bản làng (trồng rừng, làm nương, chăn nuôi, làm nghề</i>	- Tô chữ o và tô từ chỉ có 1 âm chính là o trong vở (Ví dụ: cỏ, no cỏ...); - Tô chữ số 8, 9 trong vở.	- Tham gia hoạt động trải nghiệm với lớp; - Chuẩn bị trang phục khi tham gia trải nghiệm với lớp.

	động của người trong bản làng.	hỏi vị trí Ở đâu? câu hỏi thời gian Khi nào?	thủ công, lễ hội). - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: Ở đâu? Cái gì?		
14. Em và thiên nhiên	- Giới thiệu về những con vật ở quanh em; - Câu hỏi về con vật ở quanh em.	- Từ ngữ chỉ con vật ở quanh em (vật nuôi, con vật sống trong rừng, trong tự nhiên); - Mẫu câu: câu giới thiệu con vật, câu hỏi vị trí Ở đâu? câu hỏi hoạt động Làm gì?	- Đọc chữ ô, ơ và từ có chữ ô, ơ; - Đọc to nghe chung bài đọc về con vật ở quanh em (vật nuôi, vật ở trong rừng, trên bầu trời); - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: Ở đâu? Làm gì?	- Tô chữ ô, ơ và tô từ ngữ chỉ có âm chính là ô, ơ dưới hình minh họa (Ví dụ: cô, nơ).	- Tập trình bày kết quả học của cá nhân; - Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ trong học tập khi cần thiết từ bạn bè.
15. Em và thiên nhiên	- Giới thiệu về những loài cây, loài hoa quả ở quanh em; - Câu hỏi về cây cối, hoa quả ở quanh em.	- Từ ngữ chỉ cây cối, hoa và quả ở quanh em; - Mẫu câu: câu giới thiệu cây cối, hoa và quả, câu hỏi vị trí Ở đâu? câu hỏi đặc điểm Thế nào?	- Đọc chữ p, q và từ có âm đầu là p, q; - Đọc to nghe chung bài đọc về cây cối, hoa và quả ở quanh em; - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: Ở đâu? Thế nào?	- Tô chữ p, q và tô từ ngữ có âm đầu là p, q dưới hình minh họa (Ví dụ: pa - cô, quả...).	- Tập trình bày kết quả học của cá nhân; - Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ trong học tập khi cần thiết từ bạn bè.
16. Em và thiên nhiên	- Kể những việc người dân làm để giữ cho thiên nhiên ở bản làng sạch đẹp, an toàn; - Câu hỏi về hoạt động bảo vệ môi trường thiên nhiên ở bản làng.	- Từ ngữ chỉ hoạt động của người dân bảo vệ môi trường thiên nhiên ở bản làng; - Mẫu câu: kể về hoạt động bảo vệ môi trường thiên nhiên ở bản làng, câu hỏi vị trí Ở đâu? câu hỏi hoạt động Làm gì?	- Đọc chữ r, s và từ có âm đầu là r, s; - Đọc to nghe chung bài đọc về hoạt động bảo vệ môi trường thiên nhiên ở quanh em (trồng cây, bảo vệ thú rừng, chim rừng, dọn rác thải...) - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: Ở đâu? Làm gì?	- Tô chữ r, s và tô từ ngữ có âm đầu là r, s dưới hình minh họa (Ví dụ: rổ, sè...).	- Tập trình bày kết quả học của nhóm; - Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ trong học tập khi cần thiết từ Thầy Cô.
17.	- Kể về những trò chơi, cuộc đi chơi	- Từ ngữ chỉ trò chơi, cuộc đi chơi thú vị của	- Đọc chữ t và từ ngữ có âm đầu là t.	- Tô chữ t và tô từ ngữ có âm đầu là t dưới hình	- Tập trình bày kết quả học của nhóm;

Ước mơ của em	em muốn; - Hỏi về những trò chơi, cuộc đi chơi em thích.	trẻ; - Mẫu câu: giới thiệu những trò chơi thú vị, câu kể về hoạt động trong cuộc đi chơi thú vị, câu hỏi <i>Trò chơi gì? Đi đâu?</i>	- Đọc to nghe chung bài đọc về <i>trò chơi, cuộc đi chơi thú vị của trẻ</i> ; - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: <i>Trò chơi gì? Đi đâu?</i>	minh họa (Ví dụ: tổ, tạ...).	- Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ trong học tập khi cần thiết từ Thầy Cô.
18. Ước mơ của em	- Kể về những hoạt động học em thích (vẽ, hát, thể dục, đọc sách, học toán...) - Hỏi về những hoạt động học em thích.	- Từ ngữ chỉ hoạt động học (vẽ, hát, thể dục thể thao, đọc sách, học toán...) - Mẫu câu: kể những hoạt động học em thích, câu hỏi <i>Học gì?</i>	- Đọc chữ u, ư và từ ngữ chỉ có 1 âm chính là u, ư. - Đọc to nghe chung bài đọc về <i>sở thích của trẻ</i> . - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: <i>Em có sở thích gì?</i>	- Tô chữ u, ư và tô từ ngữ chỉ có 1 âm chính là u, ư dưới hình minh họa (Ví dụ: su su, củ từ).	- Tham gia các hoạt động chung của lớp: thi đọc thơ, kể chuyện theo sách tranh khổ lớn hoặc truyện tranh, thi hát múa... - Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ trong học tập khi cần thiết từ người thân.
19. Ước mơ của em	- Kể về những nghề em thích làm khi lớn lên; - Câu hỏi về nghề nghiệp.	- Từ ngữ chỉ nghề nghiệp phổ biến; - Mẫu câu: kể những hoạt động nghề nghiệp, câu hỏi <i>Làm gì? Ở đâu?</i>	- Đọc chữ v, x và từ có chữ v, x; - Đọc to nghe chung bài đọc về <i>nghề nghiệp em thích</i> ; - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: <i>Em thích làm nghề gì?</i>	- Tô chữ v, x và tô từ ngữ có âm đầu là v, x dưới hình minh họa (Ví dụ: vẽ, xô...).	- Tham gia các hoạt động chung của lớp: thi đọc thơ, kể chuyện theo sách tranh khổ lớn hoặc truyện tranh, thi hát múa, thi khéo tay hay làm...; - Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ trong học tập
20. Ôn tập	- Tự giới thiệu bản thân; - Kể về gia đình: người thân trong gia đình, nhà ở; - Kể về hoạt động học em thích.		- Cùng đọc với giáo viên sách tranh khổ lớn; - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: <i>Ai? Cái gì? Con gì? Làm gì? Ở đâu?</i>	- Tô chữ cái đã học; - Tô từ chứa chữ cái đã học dưới hình; - Tô chữ số đã học.	